

Số: 2923/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc mời cung cấp báo giá
để xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư can thiệp chẩn đoán
của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư can thiệp chẩn đoán, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh) trân trọng kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế có đủ năng lực, kinh nghiệm và quan tâm tham gia báo giá các hàng hóa, dịch vụ với các nội dung chi tiết như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Đào Thị Thuý – Phụ trách khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;

Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

+ Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh).

- Bản mềm: Báo giá (Excel), Catalog, các tài liệu liên quan... (PDF)

+ Nhận qua email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com.

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 7h30p ngày 09 tháng 10 năm 2025 đến trước 16h30p ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.



4. Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ: Chi tiết về tên hàng hóa, thông số kỹ thuật cơ bản, số lượng, đơn vị tính vật tư can thiệp chẩn đoán được mô tả tại Phụ lục 01 đính kèm Thông báo này.

2. Bảng cung cấp thông tin hàng hóa và chào giá (*Chi tiết tại Phụ lục 02 đính kèm*).

3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Địa điểm cung cấp tại Kho vật tư y tế Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh.

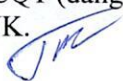
4. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 12 tháng.

Do nhu cầu cấp thiết về mua sắm vật tư can thiệp chẩn đoán của Bệnh viện, kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế nhanh chóng cung cấp thông tin để bên Bệnh viện tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK.



Phụ lục 01

(Kèm theo Thông báo mời báo giá số 2923/TB - BVT ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
	I	Kỹ thuật nút Coil			
1	1.1	Vòng xoắn kim loại (coils) các loại, các cỡ	Cái	Vòng xoắn kim loại chất liệu Platinum hoặc hợp kim Platinum. Tối thiểu có coil 2D (Helix) và 3D.	60
2	1.2	Kìm cắt coil (Tương thích với Vòng xoắn kim loại (coils) các loại, các cỡ)	Cái	Tương thích với Vòng xoắn kim loại (coils) các loại, các cỡ	10
3	2.1	Vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch não loại không phủ gel	Cái	+ Chất liệu: Platinum + Có nhiều loại khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp, lò xo, 3D, siêu mềm... + Có 3 cấp độ mềm: Tiêu chuẩn, Mềm, và Siêu mềm + Cắt bằng xung điện. Kích thước: + Đường kính sợi coil: từ 0.010 đến 0.0145 inch. - Đường kính cuộn coil: tối thiểu 1mm và tối đa 24mm. - Chiều dài cuộn coil: tối thiểu 1cm và tối đa 68cm. Chức năng: Được sử dụng để nút túi phình mạch thần kinh.	200
4	2.2	Kìm cắt coil (Tương thích với Vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch não loại không phủ gel)	Cái	Tương thích với Vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch não loại không phủ gel	30
5	3.1	Vòng xoắn kim loại mạch thần kinh loại 2D, 3D các cỡ	Cái	Vòng xoắn bằng hợp kim platinum-vonframe, có các loại 3D và 2D, được chỉ định để nút túi phình động mạch não, dị dạng động tĩnh mạch hoặc nút túi phình mạch ngoại biên các cỡ.	20
6	3.2	Kìm cắt coil (Tương thích với Vòng xoắn kim loại mạch thần kinh loại 2D, 3D các cỡ)	Cái	Tương thích với Vòng xoắn kim loại mạch thần kinh loại 2D, 3D các cỡ	5
7	4.1	Vòng xoắn kim loại mạch thần kinh loại mềm và siêu mềm, các cỡ	Cái	Vòng xoắn bằng hợp kim platinum-vonframe loại mềm và siêu mềm có các loại 3D và 2D, được chỉ định để nút túi phình động mạch não, dị dạng động tĩnh mạch hoặc nút túi phình mạch ngoại biên các cỡ.	20
8	4.2	Kìm cắt coil (Tương thích với Vòng xoắn kim loại mạch thần kinh loại mềm và siêu mềm, các cỡ)	Cái	Tương thích với Vòng xoắn kim loại mạch thần kinh loại mềm và siêu mềm, các cỡ	5
9	5	Bóng tắc mạch (dùng trong chẹn cổ túi phình mạch vị trí mạch phức tạp)	Cái	Bao gồm ống thông có gắn bóng đơn và tương thích vì dây dẫn đi kèm. Có bóng để chèn cổ túi phình động mạch não cổ rộng với vị trí mạch nhánh, phức tạp. Đường kính bóng $\geq 4\text{mm}$, (tối thiểu có đường kính 4mm). Chiều dài bóng từ 7mm đến 15mm.	10

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
10	6	Bóng tắc mạch (dùng trong chẹn cổ túi phình mạch thẳng)	Cái	Bao gồm ống thông có gắn bóng đơn và tương thích vi dây dẫn đi kèm. Có bóng để chèn cổ túi phình động mạch não cổ rộng với vị trí mạch thẳng. Đường kính bóng $\geq 4\text{mm}$, (tối thiểu có đường kính 4mm). Chiều dài bóng từ 7mm đến 15mm, (tối thiểu có 2 cỡ).	10
11	7	Dụng cụ cắt stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch não	Cái	Dụng cụ cắt stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch não bằng xung điện, sử dụng pin. Dùng cho Stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch não.	3
12	8	Vi ống thông mạch não đường kính ngoài đầu xa khoảng từ 2.2Fr- 3.5Fr chuyên dùng dùng cho stent dạng lồng trong túi phình	Cái	- Đường kính trong gồm: 0.0175", 0.021", 0.027" và 0.033" - Chiều dài từ 133cm đến 154cm. - Đầu xa từ 1-2 marker. - Dùng cho Stent chặn dòng chảy nội túi phình mạch não.	3
13	9	Stent nút mạch thả trong túi phình mạch não dạng lồng hoặc cầu	Cái	- Chất liệu nitinol. - Có điểm đánh dấu cản quang ở đầu gần và đầu xa. Kích thước: - Đường kính từ 3mm đến 11mm. - Chiều cao từ 2mm đến 9.6mm.	3
14	10	Dụng cụ lấy dị vật dạng thông lọng cỡ nhỏ, đường kính từ 2mm đến 7 mm	Cái	Dụng cụ để lấy dị vật mạch não (thông lọng), đường kính từ 2mm đến 7 mm. Chiều dài	10
15	11	Khung giá đỡ (Stent) bắc cầu cho túi phình mạch não cổ rộng	Cái	- Khung giá đỡ (Stent) dùng trong nút coil cho túi phình mạch não cổ rộng - Đường kính: 1.5mm - 4.5mm. - Chiều dài: 20 mm - 40 mm. - Tương thích microcatheter 0.021". - Thiết bị có khả năng điều chỉnh đường kính, không gây tắc dòng chảy.	20
16	12	Vi ống thông gấp góc (dành cho can thiệp nút coil mạch não)	Cái	Vi ống thông các loại: Đầu thẳng hoặc đầu cong 45 độ, 90 độ. Đường kính ngoài đầu xa $\geq 1.7\text{F}$, (tối thiểu 2 cỡ). Chiều dài sử dụng $\geq 150\text{ cm}$. Có 2 markers.	60
17	13	Vi dây dẫn dùng cho mạch não có chiều dài từ 200cm đến 250 cm	Cái	Chiều dài khoảng từ 200cm đến 250 cm Đường kính 0.014". Đầu xa có thể uốn được.	170
18	14	Ống thông dẫn đường kép 2 nòng các loại (dùng cho chụp và can thiệp mạch não)	Cái	Ống thông dẫn đường kép 2 nòng. Kích cỡ 6F nòng ngoài và 5F nòng trong. Có ≥ 2 dạng đầu cong khác nhau.	150
	II	Kỹ thuật hút huyết khối			
19	1.1	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não cỡ 6F	Cái	Ống hút huyết khối mạch não: Đường kính trong đầu xa $\geq 0.068"$, (tối thiểu 2 cỡ). Chiều dài $\geq 125\text{ cm}$.	80

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
20	1.2	Ống thông hút huyết khối lòng rộng, có đường kính tối thiểu 0.070 "	Cái	Ống hút huyết khối mạch não: Đường kính trong đầu xa ≥ 0.070 " Chiều dài ≥ 125 cm.	20
21	2	Vi dây dẫn dùng cho mạch não có chiều dài ≥ 300 cm	Cái	Chiều dài ≥ 300 cm. Đường kính 0.014". Đầu xa có thể uốn được.	15
22	3	Giá đỡ mạch não lấy huyết khối	Cái	Giá đỡ mạch não lấy huyết khối: Đường kính: Từ 3mm đến 6mm, (tối thiểu có cỡ 3mm, 4mm). Chiều dài: ≥ 20 mm, (tối thiểu 2 cỡ).	20
23	4	Vi ống thông mạch não đường kính ngoài đầu xa khoảng từ 1.7Fr - 2.3Fr phù hợp với stent lấy huyết khối	Cái	$1.7Fr \leq$ Đường kính ngoài đầu gần - xa $\leq 2.3Fr$. Đường kính trong 0.021". Chiều dài ≥ 150 cm .	55
24	5	Vi ống thông mạch não đường kính ngoài đầu xa khoảng từ 2.4Fr - 2.8Fr phù hợp với stent lấy huyết khối	Cái	$2.4Fr \leq$ Đường kính ngoài đầu gần - xa $\leq 2.8Fr$. Đường kính trong 0.021". Chiều dài ≥ 150 cm .	55
25	6	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ và vừa	Cái	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính nhỏ: Đường kính trong đầu xa: 0.034" - 0.036". Đường kính ngoài đầu xa: 3,7F - 3,9F; Đường kính ngoài đầu gần: 4,6F - 4,8F. Chiều dài: ≥ 160 cm.	10
26	7	Giá đỡ (Stent) nội sọ	Cái	Stent trần dùng trong hẹp hoặc bóc tách động mạch não trong sọ. Chiều dài stent 5mm -20 mm , đường kính từ 1 mm đến 6 mm đủ các cỡ.	5
27	8	Bóng nong can thiệp mạch máu nội sọ	Cái	Bóng nong dùng trong can thiệp mạch nội sọ. Đường kính bóng: 1.5mm - 4.0 mm (tối thiểu có cỡ 1.5mm, 2mm, 2.5mm, 3mm). Chiều dài bóng nong 8mm - 40 mm (Tối thiểu có 3 cỡ). Tổng chiều dài ≥ 150 cm. Tương thích với vi dây dẫn 0.014"	15
	III	Kỹ thuật đặt stent mạch não			
28	1	Ống thông trợ giúp can thiệp thần kinh $\geq 5Fr$	Cái	Đường kính trong 0.070" - 0.088" (tối thiểu 2 cỡ 0.070", 0.088"). Chiều dài loại 0.070": 100cm - 110 cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm - 100cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", Đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070"	110
29	2	Ống thông trợ giúp can thiệp thần kinh (dùng trong đặt stent đổi hướng dòng chảy điều trị túi phình mạch não cổ rộng, phình hình thoi, phình khó phức tạp)	Cái	Đường kính trong: 0.058"- 0.072"(Tối thiểu 2 cỡ 0.058", 0.072"). Đường kính ngoài: 0.070"- 0.084" (Tối thiểu 2 cỡ 0.070"- 0.084"). Chiều dài: ≥ 100 cm.	10

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
30	3	Vi ống thông mạch não đường kính ngoài đầu xa 2.4 Fr- 2.8Fr để thả stent đổi hướng dòng chảy	Cái	Tương thích với stent đổi hướng dòng chảy có phủ chất chống ngưng tập tiểu cầu.	10
31	4	Stent mạch não đổi hướng dòng chảy lõi trần có phủ chất chống ngưng tập tiểu cầu	Cái	Stent đổi hướng dòng chảy mạch não cho nòng mạch. Đường kính 2.0mm ≤ 5.5mm (Tối thiểu có cỡ 3mm; 3.25mm; 3.50mm; 4mm; 4.50mm; 5mm; 5.5mm) Chiều dài: Tối thiểu 2 cỡ.	10
	IV	Kỹ thuật nút AVM mạch não			
32	1	Vi ống thông nút dị dạng mạch não AVM	Cái	Đầu tự đứt dài 1.5cm- 3cm (Tối thiểu 2 cỡ 1.5cm, 3cm). Đường kính trong 0.012"- 0.015". Đường kính ngoài đầu xa 1.4Fr - 1.6Fr. Đường kính đầu gần 2.6Fr - 2.8Fr. Tổng chiều dài ≥ 160cm.	10
33	2	Vi dây dẫn can thiệp mạch não dùng điều trị dị dạng mạch não AVM	Cái	Dài ≥ 200cm. Tương thích với Vi ống thông nút dị dạng mạch não AVM.	20
34	3	Chất tắc mạch dạng lỏng		Chất tắc mạch dạng lỏng dùng nút tắc dị dạng mạch não AVM.	20
35	4	Sonde chụp mạch não	Cái	Sonde chụp 5F có đầu cong đặc trưng vertebral.	30
36	5	Catheter chụp mạch máu dạng Sidewinder	Cái	Sonde chụp kích thước 5F có đầu cong đặc trưng dạng sidewinder (simmons2).	30
37	6	Catheter chụp mạch máu não dạng Mani 5F	Cái	Sonde chụp kích thước 5F có đầu đặc trưng của từng loại (Mani).	10
38	7	Dây dẫn đường ái nước cứng, đầu cong dùng cho ống thông dài 260 cm	Cái	Dây dẫn đường ái nước cứng đầu cong đường kính 0.035". Dài ≥ 250cm. Có lớp cản quang.	50
	V	Kỹ thuật nút mạch tạng			
39	1	Ống thông chụp mạch gan	Cái	Sonde chụp kích thước 5F có đầu cong đặc trưng Yashiro.	200
40	2	Ống thông chụp mạch Cobra	Cái	Sonde chụp kích thước 5F có đầu cong đặc trưng Cobra (Cobra Small và Cobra Middle).	100
41	3	Vi ống thông đường kính 2.7F	Cái	Vi ống thông đồng trục cỡ 2.7 Fr dùng trong thuyên tắc nút mạch và mạch máu ngoại biên. Chiều dài ≥ 110cm. Có vi dây dẫn đi cùng.	50
42	4	Vi ống thông sử dụng trong động mạch nhỏ	Cái	Vi ống thông mạch tạng và mạch ngoại vi: Đường kính ≥ 1.7F, (tối thiểu có cỡ 1.9F). Chiều dài ≥ 110 cm.	230

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
43	5	Vi ống thông can thiệp mạch, cỡ 1.7F, 1.8F, và 2.2F không kèm vi dây dẫn	Cái	Vi ống thông mạch tạng và mạch ngoại vi: Đường kính $\geq 1.7F$, (tối thiểu có cỡ 1.7F, 1.8F, 2.2F). Chiều dài ≥ 110 cm.	50
44	6	Vi dây dẫn tạo hình chuyên dụng	Cái	Vi dây dẫn can thiệp mạch tạng và mạch ngoại biên. - Đường kính: 0.016". - Các hình dạng đầu: Thẳng và Cong. - Chiều dài ≥ 135 cm, (tối thiểu 3 cỡ).	280
45	7	Vi ống thông có gắn bóng	Cái	- Chiều dài bóng từ ≤ 7 mm đến ≥ 15 mm - $110 \text{ cm} \leq \text{Chiều dài vi ống thông} \leq 150 \text{ cm}$ - Tương thích với dây dẫn 0.014"; 0.016"; 0.018", ống thông chẩn đoán 5Fr	20
46	8	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan tăng kích thước khi pha	Lọ	Hạt tải thuốc kích thước 20 - 400 μm ngậm thuốc tăng kích thước ≥ 3 lần khi pha.	10
47	9	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan không tăng kích thước hoặc tăng kích thước $\leq 25\%$ khi pha	Lọ	Hạt tải thuốc kích thước 20-200 μm ngậm thuốc không tăng kích thước hoặc tăng kích thước $\leq 25\%$ khi pha.	10
48	10	Vật liệu nút mạch hình cầu	Lọ	Hạt tắc mạch hình cầu có các kích thước khác nhau $\geq 40\mu\text{m}$ trong dung dịch pha sẵn.	200
49	11	Vòng xoắn kim loại cỡ lớn	Cái	Vòng xoắn kim loại (Coil) cắt hoặc bẻ hoặc khóa. $2\text{mm} \leq \text{Đường kính coil} \leq 32\text{mm}$. $2\text{cm} \leq \text{Chiều dài coil} \leq 60\text{cm}$.	50
	VI	Kỹ thuật dẫn lưu đường mật, ổ dịch, ổ áp xe			
50	1	Ống dẫn lưu qua da 1 đầu có khóa	Cái	Có đầu cong dạng đuôi lợn pigtail, có các lỗ bên. Kích thước $\geq 6.5F$, (tối thiểu có cỡ 8F (8.5F), 10F, 12F). Chiều dài ≥ 15 cm.	230
51	2	Kim chọc hút mô mềm	Cái	Được sử dụng để can thiệp qua da. - Đường kính: $\geq 16G$, (tối thiểu có kích cỡ 18G, 20G). - Chiều dài: ≥ 15 cm.	20
	VII	Kỹ thuật đốt sóng cao tần u giáp, u gan			
52	1	Kim đốt sóng cao tần đốt u gan	Cái	Kim đốt kích thước 15-19G. $70\text{mm} \leq \text{Chiều dài kim} \leq 350\text{mm}$. $5\text{mm} \leq \text{Chiều dài đầu phát nhiệt} \leq 40\text{mm}$. Tương thích với máy đốt u bằng sóng cao tần Cool-tip RF Ablation System E Series của hãng Covidien.	30

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
53	2	Kim đốt sóng cao tần đốt u giáp	Cái	$15G \leq$ Kim đốt kích thước $\leq 19G$. $70mm \leq$ Chiều dài kim $\leq 350mm$. $5mm \leq$ Chiều dài đầu phát nhiệt $\leq 40mm$. Tương thích với máy đốt u bằng sóng cao tần Cool-tip RF Ablation System E Series của hãng Covidien.	10
	VIII	Kỹ thuật đặt khung giá đỡ đường mật			
54	1	Khung giá đỡ nhớ hình đường mật - mạch máu có chống di lệch.	Cái	Stent đường mật, có chống di lệch. $6mm \leq$ Đường kính stent $\leq 14mm$, (tối thiểu có 9mm, 10mm, 12mm). $40mm \leq$ Chiều dài $\leq 150mm$, (tối thiểu 60mm, 80mm, 100mm). Tương thích với dụng cụ 6F.	15
55	2	Bóng nong mạch ngoại biên	Cái	Bóng nong mạch ngoại biên tương thích với dây dẫn đường kính tối đa 0.035". Đường kính bóng từ 6mm - 12 mm, (tối thiểu cỡ 6mm, 8mm, 10mm). Độ dài bóng từ 20mm - 200mm, (tối thiểu 3 cỡ). Độ dài ống thông: $\geq 75cm$, (tối thiểu 2 cỡ).	15
56	3	Dây dẫn đường siêu cứng bằng kim loại (Amplatz Super Stiff Guidewire)	Cái	Kích thước 0.035". Chiều dài $\geq 75cm$, (tối thiểu có cỡ 145cm, 180cm, 260 cm). Chất liệu trục: Thép không gỉ, phần đầu cong.	15
	IX	Kỹ thuật nút tĩnh mạch dạ dày và tĩnh mạch cửa gan			
57	1	Dụng cụ bít lỗ thông Động Tĩnh Mạch (Plug)	Cái	Plug dùng trong kỹ thuật PRTO trong xuất huyết vỡ tĩnh mạch phình vị có shunt vị thận. $6mm \leq$ Đường kính $\leq 16mm$, (tối thiểu có 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16mm). Chiều dài $\geq 6mm$.	10
58	2	Dù bít tuần hoàn bằng hệ, bít hoặc nút rò động tĩnh mạch loại thể hệ mới 2 cánh	Cái	Dù có 02 cánh. Kích thước phù hợp với tĩnh mạch được điều trị từ 2mm - 17mm. $6mm \leq$ Đường kính $\leq 16mm$, (tối thiểu có 8mm, 10mm, 12mm, 14mm, 16mm). Chiều dài $\geq 6mm$.	5
59	3	Kim sinh thiết tự động kèm kim đồng trục	Cái	Kim sinh thiết tự động kèm kim đồng trục $14G \leq$ kích thước $\leq 20G$, (tối thiểu có cỡ 16G, 18G, 20G). Chiều dài lấy mẫu loại 10mm và 20mm. $100mm \leq$ Chiều dài kim $\leq 250mm$.	250

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
	X	Can thiệp mạch cảnh hẹp trong huyết khối mạch não			
60	1	Khung giá đỡ (Stent) mạch cảnh	Cái	Khung giá đỡ (Stent) tự giãn nở bằng hợp kim hoặc Nitinol. - Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn. - Độ dài ống thông có gắn stent $\geq 135\text{cm}$, sử dụng dây dẫn 0.014". - Tương thích với dụng cụ mở đường $\geq 6\text{F}$. - 2 điểm đánh dấu.	20
61	2	Lưới lọc bảo vệ mạch máu (FilterWire)	Cái	- Lưới lọc dùng cho mạch cảnh. - Đường kính từ 3.5mm đến 8mm, (tối thiểu 2 cỡ). - Chiều dài dây dẫn $\geq 190\text{cm}$, (tối thiểu 2 cỡ).	20
62	3	Bóng nong động mạch cảnh ngoài sọ	Cái	- Bóng nong dùng trong can thiệp mạch cảnh ngoài sọ. + Đường kính bóng: 6mm - 10mm, (tối thiểu có cỡ 6mm) + Chiều dài bóng: $\geq 15\text{mm}$. - Chiều dài ống thông: $\geq 100\text{ cm}$. - Guidewire tương thích 0.014" hoặc 0.018".	20
	XI	Các vật tư khác			
63	1	Dây dẫn đường ái nước mềm, đầu cong dùng cho ống thông dài 150 cm	Cái	Dây dẫn đường ái nước mềm (tiêu chuẩn) đầu cong đường kính 0.035". Chiều dài 150cm. Có lớp cản quang.	550
64	2	Dây bơm thuốc áp lực cao	Cái	Dây bơm thuốc áp lực cao chịu được áp lực $\geq 500\text{ psi}$. Chiều dài $\geq 100\text{cm}$. Cam kết dùng cho máy bơm tiêm trong chụp và can thiệp DSA.	900
65	3	Dụng cụ mở đường vào (động mạch) cầm máu có chốt khóa	Cái	5Fr $\leq$ Đường kính $\leq 8\text{Fr}$, (tối thiểu 3 cỡ 5F, 6F, 8F). Kim chọc mạch 18G đến 21G, (tối thiểu có cỡ 18G). Có dây dẫn.	550
66	4	Bộ phận kết nối chữ Y loại đầu xoáy	Cái	Bộ van cầm máu chữ y loại đầu xoáy.	450

BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thông báo mời báo giá số 2923/TB - BVT ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)



Tên nhà thầu: Công ty
 Địa chỉ liên hệ:
 Điện thoại DD:
 Email:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo thông báo số 2923/TB - BVT ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

I. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan như sau:

STT (1)	STT Thông báo mời BG (2)	Tên hàng hoá (3)	Tên thương mại, ký, mã, nhãn hiệu, model (4)	Mã VTYT (Theo QĐ 5086/QĐ- BYT ngày 04/11/2021 hoặc theo TT 04 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017) (5)	Thông số kỹ thuật (6)	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu (7)	Đạt tiêu chuẩn (8)	Mã HS (9)	Phân loại TTBYT (A,B,C,D) (10)	Năm sx (11)	Hãng/ nước chủ sử hữu (12)	Hãng/Nước sản xuất (13)	Quy cách đóng gói (14)	Đơn vị tính (15)	Số lượng (16)	Đơn giá (VND) (17)	Thành tiền (VND) (18)	Kết quả trúng thầu 12 tháng gần nhất (Giá trúng thầu/Số QĐ/ ngày tháng năm/ đơn vị ra QĐ) (19)
1																		
2																		

Ghi chú:

Đơn vị phải cung cấp đầy đủ thông tin vào các cột chưa điền thông tin.

Đơn vị cung cấp kèm theo bản scan hợp đồng đã trúng thầu và/hoặc hóa đơn bán hàng trong vòng 12 tháng gần nhất kèm theo (nếu có).

Đơn vị gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa, dịch vụ.

(4) ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hoá”.

(6) ghi cụ thể thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Tên hàng hoá”.

(18) là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (Bao gồm thuế, phí, lệ phí, dụng cụ phụ trợ đi kèm đảm bảo thực hiện được kỹ thuật và dịch vụ liên quan (nếu có).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2025 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Đáp ứng tư cách hợp lệ theo quy định tại Điều 5 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo Giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(ký tên, đóng dấu)